

PHỤ LỤC 01

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo báo cáo số: 303/BC-UBND ngày 08 tháng 07 năm 2026 của UBND Xã Năm Nung)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ phê duyệt đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành)			Kế hoạch vốn giai đoạn 2026			Số tiền đã thanh toán đến 30/06/2026	Tỷ lệ	Ghi chú
						Số quyết định	TMBT	Trong đó	Tổng	Trong đó				
								Ngân sách nhà nước		Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tập trung theo phân cấp			
	TỔNG CỘNG			-			4.874,000	4.874,000	4.874,000	1.700,000	3.174,000	2.296,620	47,12%	
	Lĩnh vực giao thông						4.874,000	4.874,000	4.874,000	1.700,000	3.174,000	2.296,620	47,12%	
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ nhà ông Phạm Văn Hùng(ĐX21) đến nhà ông Trần Văn Ba (Đường liên thôn) Bon RCập	Xã Năm Nung	Phòng Kinh tế	Nâng cấp, mở rộng, chiều dài tuyến khoảng 600m	2026-2027		1.674,000	1.674,000	1.674,000	1.674,000		1.282,08	76,59%	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà ông Đặng Văn Sáu (QL 28) đến nhà ông Đặng Văn Cường (giáp QL 28) thôn Nam Ninh	Xã Năm Nung	Phòng Kinh tế	Nâng cấp, mở rộng, chiều dài tuyến khoảng 800m đường giao thông	2026-2027		3.200,000	3.200,000	3.200,000	26,000	3.174,000	1.014,54	31,70%	

PHỤ LỤC 02
KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CT MTQG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
(Kèm theo báo cáo số 303 /BC-UBND ngày 08 tháng 07 năm 2026 của UBND Xã Năm Nung)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị Chủ đầu tư	Mã dự án	Chủ đầu tư	Vốn được giao	Kế hoạch vốn năm 2025 chuyển sang	Đến 30/06/2026		Ghi chú
						Lũy kế vốn giải ngân	Tỷ lệ	
I	CT Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			2.904,779	2.904,779	150,944		
	Vốn đầu tư			444,482	444,482	150,944	34%	
1	Đường nội bon Rcập xã Năm Nung	8090099	Phòng kinh tế	67,095	67,095	5,268	8%	
2	Trường mầm non Hoa Pơ Lang, xã Năm Nung, Hạng mục: Sân trường lát gạch	8138810	Phòng kinh tế	107,803	107,803	48,601	45%	
3	Nhà trưng bày điểm đến du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại Bon Ja Răh	8137971	Phòng kinh tế	90,440	90,440	49,503	55%	
4	Trường THCS Năm Nung, xã Năm Nung. Hạng mục: Tường rào	8157735	Phòng kinh tế	39,047	39,047	24,513	63%	
5	Nâng cấp cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xã Năm N'Đir cũ (Trung tâm PVHCC xã mới), hạng mục: Trụ sở, nhà để xe, nhà vệ sinh, trang thiết bị...	8162892	Phòng kinh tế	39,380	39,380	23,059	59%	
6	Hỗ trợ sửa chữa nhà văn hóa Bon Rung, Nam Tiến		Phòng kinh tế	55,000	55,000		0%	
7	Công trình: Đường nội bon Ja Răh – Bon Rcập xã Năm Nung (các trục còn lại) hạng mục: Nâng cấp sửa chữa	8015829	Phòng kinh tế	45,717	45,717		0%	
	Vốn sự nghiệp			2.460,297	2.460,297	-	0%	
1	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		Phòng kinh tế	15,000	15,000		0%	
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		Phòng văn hóa- xã hội	141,340	141,340		0%	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc		Phòng kinh tế	1.527,278	1.527,278		0%	
4	Dự án 5: phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		chưa được UBND tỉnh giao lại	535,592	535,592		0%	
5	Dự án 5: phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		Phòng văn hóa- xã hội	110,000	110,000		0%	
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em		UB MTTQ VN xã	80,847	80,847		0%	
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn		Phòng văn hóa- xã hội	0,240	0,240		0%	
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		Phòng văn hóa- xã hội	50,000	50,000		0%	
II	CT XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI			4.342,460	4.342,460	1.886,687	43%	
	Vốn đầu tư			3.653,576	3.653,576	1.886,687	52%	
1	Trường TH Lê Văn Tám (Phân hiệu thôn Tân Lập). Hạng mục: Công, tường rào	8138809	Phòng kinh tế	211,000	211,000	187,042	89%	
2	Trường TH Lê Văn Tám (Bon R cập). Hạng mục: Tường rào	8138808	Phòng kinh tế	233,195	233,195	117,606	50%	
3	Dự án: Đường bê tông nông thôn từ rẫy ông Cao Văn Chí đến nhà ông Nguyễn Bá Hưng thôn Nam Tiến	8146887	Phòng kinh tế	841,500	841,500	694,718	83%	
4	Đường bê tông từ rẫy ông Mai Văn Công đến Phân hiệu Hoa Pơ Lang thôn Nam Tiến	8145952	Phòng kinh tế	49,604	49,604		0%	
5	Đường bê tông nông thôn từ nhà ông Nguyễn Đức Hạnh đến rẫy ông Nguyễn Văn Cầu bon Yók Ju	8145951	Phòng kinh tế	53,667	53,667		0%	
6	Đường bê tông nông thôn từ nhà ông Nguyễn Như Lai đến nhà ông Trần Ngọc Hoàng bon Yók Ju	8146886	Phòng kinh tế	701,250	701,250	617,917	88%	

STT	Tên đơn vị Chủ đầu tư	Mã dự án	Chủ đầu tư	Vốn được giao	Kế hoạch vốn năm 2025 chuyển sang	Đến 30/06/2026		Ghi chú
						Lũy kế vốn giải ngân	Tỷ lệ	
7	Đường bê tông nông thôn từ nhà ông Nguyễn Huy Dũng đến trại gà Bà Vinh thôn Nam Tiến	8145950	Phòng kinh tế	66,182	66,182		0%	
8	Đường bê tông nông thôn từ nhà ông Nguyễn Văn Khang đến nhà ông Lê Hồng Đề thôn Nam Tiến	8145341	Phòng kinh tế	47,345	47,345		0%	
9	Đường bê tông nông thôn từ rẫy nhà ông Trần Văn Toàn đến rẫy nhà ông Trương Văn Hà thôn Tân Lập	8150267	Phòng kinh tế	374,000	374,000		0%	
10	Đường bê tông nông thôn từ nhà Trần Thanh Hải đến hết rẫy ông Phạm Văn Trường bon Yók Ju	8145953	Phòng kinh tế	56,182	56,182		0%	
11	Công trình: Trường TH Lê Văn Tám. Hạng mục: Sân lát gạch	8090098	Phòng kinh tế	8,583	8,583		0%	
12	Công trình: Trường THCS Năm Nung. Hạng mục: Nhà đa năng	8096154	Phòng kinh tế	393,368	393,368	234,638	60%	
13	Công trình: Nhà văn hóa thôn Tân Lập. Hạng mục: Nhà vệ sinh công tường rào sân bê tông công thoát nước hạ tầng kỹ thuật	8034107	Phòng kinh tế	31,552	31,552		0%	
14	Công trình: Hoa viên xã Năm Nung	8304105	Phòng kinh tế	526,317	526,317		0%	
15	Công trình: Trường THCS Năm Nung. Hạng mục: Sân trường	8029118	Phòng kinh tế	5,947	5,947		0%	
16	Công trình: Cổng chào xã Năm Nung	8038599	Phòng kinh tế	6,436	6,436		0%	
17	Nâng cấp, sửa chữa sân bê tông trường THCS Năm N'Đir	8157019	Phòng kinh tế	47,448	47,448	34,766	73%	
	Vốn sự nghiệp			688,884	688,884	-	0%	
1	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy định.		Phòng kinh tế	670,697	670,697		0%	
2	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn		Phòng văn hóa- xã hội	0,214	0,214		0%	
3	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam		VP HỘND-UBND	16,008	16,008		0%	
4	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn		VP HỘND-UBND	1,965	1,965		0%	
	CT GIẢM NGHEO BỀN VỮNG			149,996	149,996	-	0%	
	Vốn sự nghiệp			149,996	149,996	-	0%	
	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		Phòng kinh tế	14,360	14,360		0%	
	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng		Phòng kinh tế	19,460	19,460		0%	
	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin		Phòng kinh tế	0,701	0,701		0%	
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình		Phòng kinh tế	115,475	115,475		0%	
	TỔNG CỘNG			7.397,235	7.397,235	2.037,631	28%	